

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 555/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Duy H, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số 35A ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lưu Bình C, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số C2/4B (số cũ 14/196/14/11/26) tổ X, ấp Y, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thị Duy H trình bày:

Bà H và ông Lưu Bình C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số I/2006 cấp ngày 28/6/2006. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp; cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình

cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Thị Duy Ý, sinh ngày 04/10/2000; đã thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Đối với bị đơn ông Lưu Bình C: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông C vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Duy H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Bình C; bị đơn hiện cư trú tại xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Lưu Bình C vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Võ Thị Duy H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà H và ông C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số I/2006 cấp ngày 28/6/2006; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác định giữa bà và ông C mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H và ông C đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên

tòa xét xử ông C vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Duy H đối với ông Lưu Bình C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung: Đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Duy H đối với ông Lưu Bình C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Duy H được ly hôn với ông Lưu Bình C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số I/2006 đăng ký ngày 28 tháng 6 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Võ Thị Duy H và ông Lưu Bình C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Duy H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081563 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Anh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. B, H. L,
- tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương